

Bản án số 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02/02/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị

H với anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn V Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yên

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn V Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; có mặt

Địa chỉ: thôn V 3, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* Anh Bàn Đ V, sinh năm 1990; vắng mặt

Địa chỉ: thôn V 3, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Bàn Đ V năm 2011. Trước khi kết hôn, chị và anh V có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Lục Nam. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, chị về nhà anh V tại thôn V 3, xã S làm dâu ngay. Chị và anh V chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do chị và anh V bất đồng về quan điểm sống, không cùng chí hướng trong việc phát triển kinh tế gia đình. Tháng 09/2023 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị sinh sống. Từ đó chị và anh V sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng giữa chị và anh V đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Đ V.

Về con chung: Chị và anh Bàn Đ V sinh được 02 con là Bàn Minh Đ, sinh ngày 05/10/2011 và Bàn Thị Y, sinh ngày 29/07/2015. Cả hai con đang ở với anh V cùng ông bà nội của các cháu, các cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị đề nghị giao cả 02 con cho anh V nuôi dưỡng, nhưng tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi con Bàn Minh Đ, còn giao cho anh V nuôi con Bàn Thị Y, theo đúng nguyện vọng của các con. Chị làm ruộng, thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Bàn Đ V trình bày về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị Nguyễn Thị H đã trình bày. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, chị Trần Thị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H sinh được 02 con chung như chị H đã trình bày. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả 02 con. Anh đang làm công nhân tại Công ty than Hợp nhất, thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Anh đủ điều kiện để nuôi các con anh trưởng thành. Cấp dưỡng nuôi con, anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Bàn Đ V. Về con chung: Giao con Bàn Minh Đ cho chị H nuôi dưỡng, giao con Bàn Thị Y cho anh Bàn Đ V nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H có mặt, bị đơn anh Bàn Đ V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Bàn Đ V trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Lục

Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị H và anh V sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh V đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả chị H và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, chị H xin ly hôn, anh V đồng ý. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Bàn Đ V đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Bàn Đ V.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Bàn Đ V sinh được 02 con là Bàn Minh Đ, sinh ngày 05/10/2011 và Bàn Thị Y, sinh ngày 29/07/2015. Cả hai con đang ở với anh V, các cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị H đề nghị giao cả 02 con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng; anh V yêu cầu được nuôi cả 02 con. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Bàn Minh Đ có nguyện vọng được ở với chị H, cháu Bàn Thị Y có nguyện vọng được ở với anh V và ông bà nội.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con, giao cháu Bàn Minh Đ cho chị nuôi dưỡng, còn cháu Bàn Thị Y cho anh V nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị Trần Thị H là có căn cứ, trên cơ sở vì quyền lợi của các con, nên giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Đan cho anh V nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0007979 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/12/2023.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Bàn Đ V.

2. Về con chung: Giao cho anh Bàn Đ V nuôi con là Bàn Thị Y, sinh ngày 29/07/2015; giao cho chị Trần Thị H nuôi con là Bàn Minh Đ, sinh ngày 05/10/2011. Chị Trần Thị H, anh Bàn Đ V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0007979 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 12/12/2023.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã S;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn V Huân